CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền

Ngày 31/03/2025	3,550 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.5%	**2.6%**	**-2.2%**

DT thuần
Q1/25
4.39
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.08| -1.8%
YoY: ▼0.18| -4.0%

LN thuần
Q1/25
7.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.52| 169%
YoY: ▲ 4.04| 128%

LN sau thuế
Q1/25
7.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.84| 207%
YoY: ▲ 4.02| 127%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
164%
YoY: +/-▲ 111%

ROE (TTM)
Q1/25
1.3%
YoY: +/-▲ 0.4%

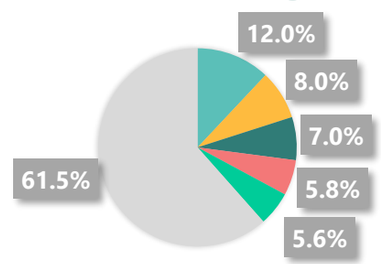
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,230 - 4,910
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	340
Số lượng CPLH (CP)	95,684,090
KLGD BQ 20 phiên (CP)	259,120
Sở hữu nước ngoài	2.5%
Beta	0.40
EPS	145
P/E	24.5

DT thuần
2024
17.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.50| -2.5%

LN thuần
2024
11.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.5| -59.7%

LN sau thuế
2024
9.86
tỷ VNĐ
YoY: ▼26.0| -72.6%

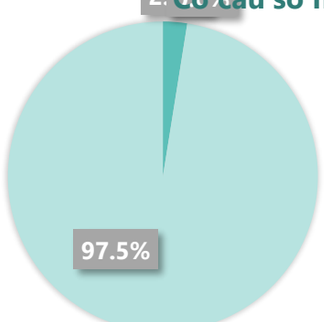
Cơ cấu cổ đông



- Nguyễn Gia Bảo (Chủ tịch HĐQT)
- Công ty TNHH Thai Invest International
- Công ty TNHH Tư vấn đầu tư KGB
- Nguyễn Nhân Bảo (Phó Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền

(Nguồn: fireant.vn)

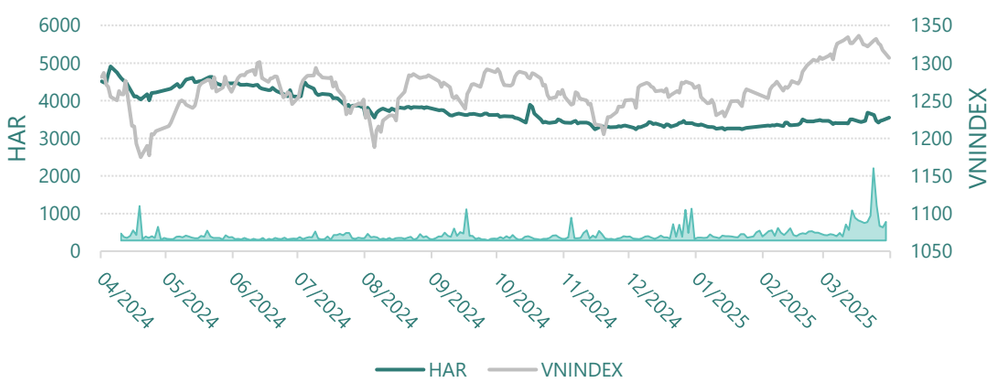
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

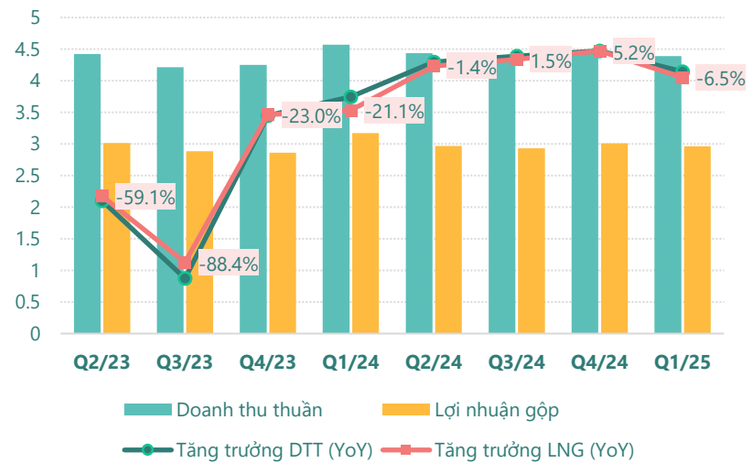
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



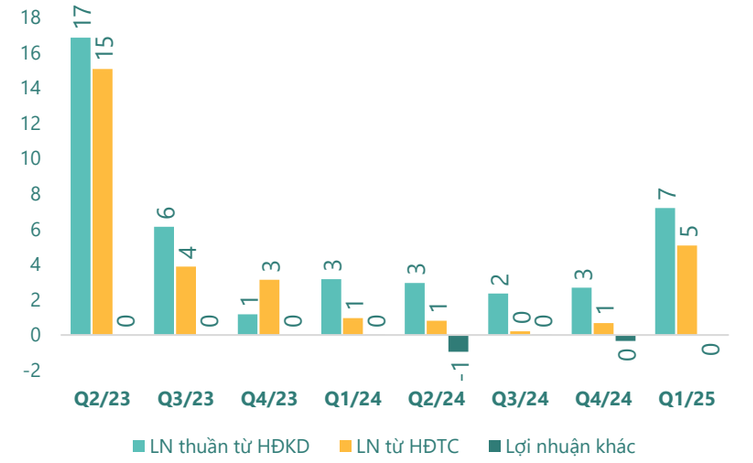
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



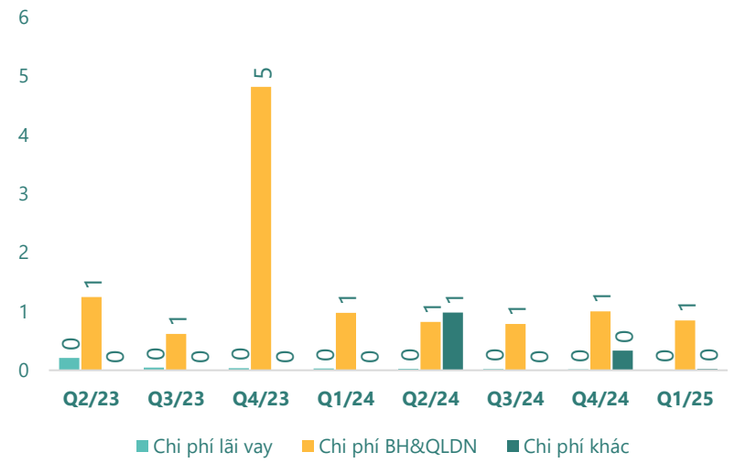
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



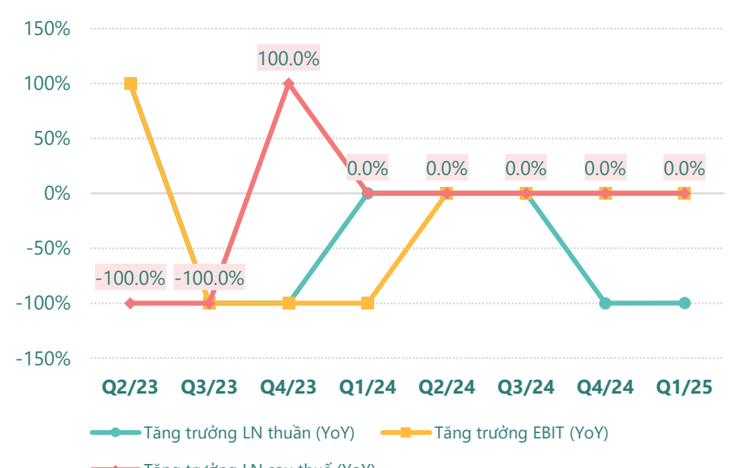
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



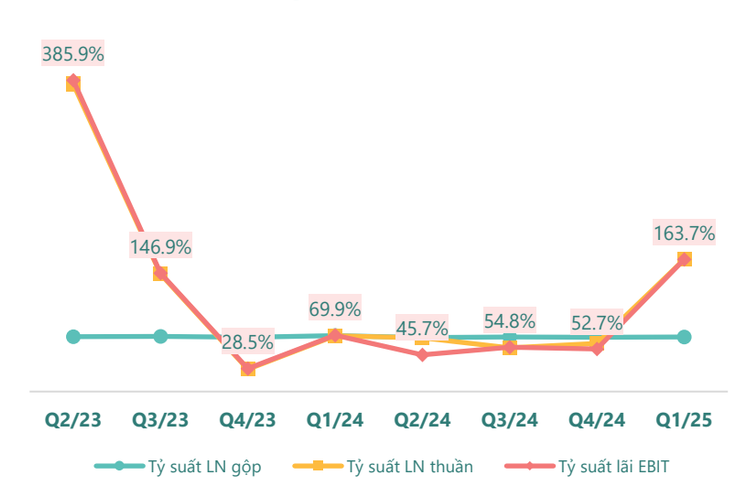
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



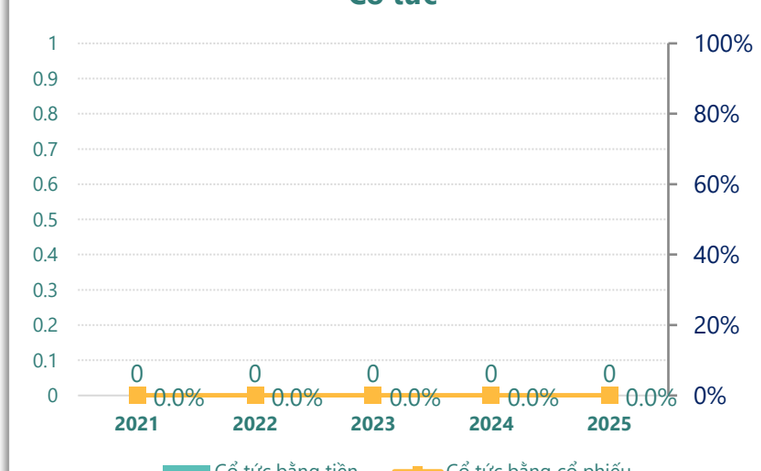
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

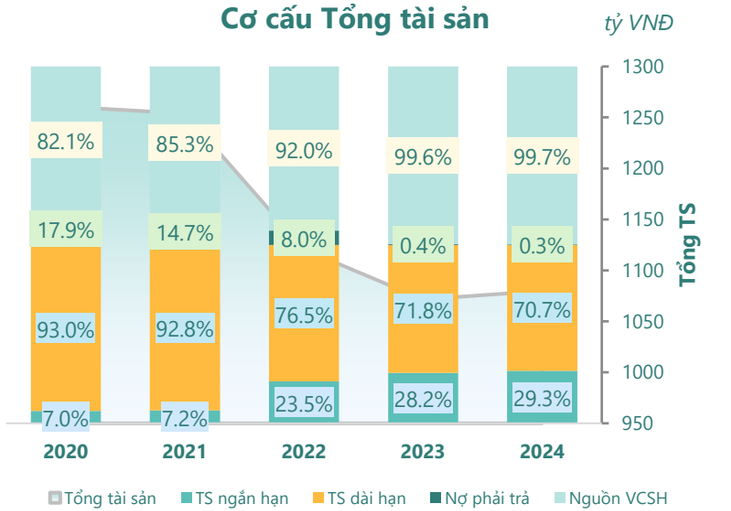
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

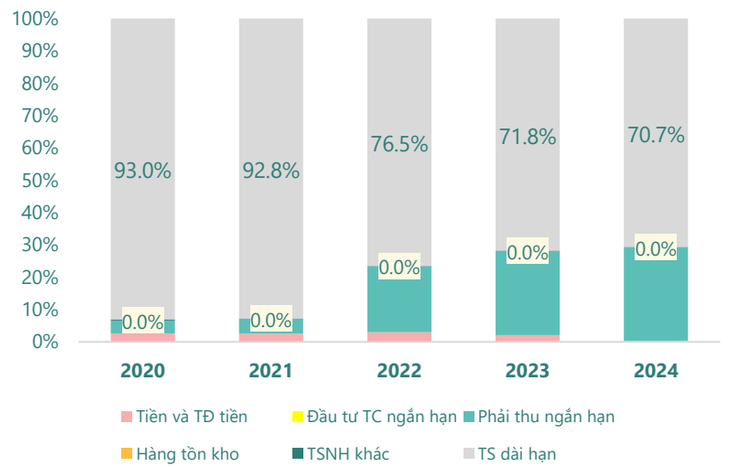
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



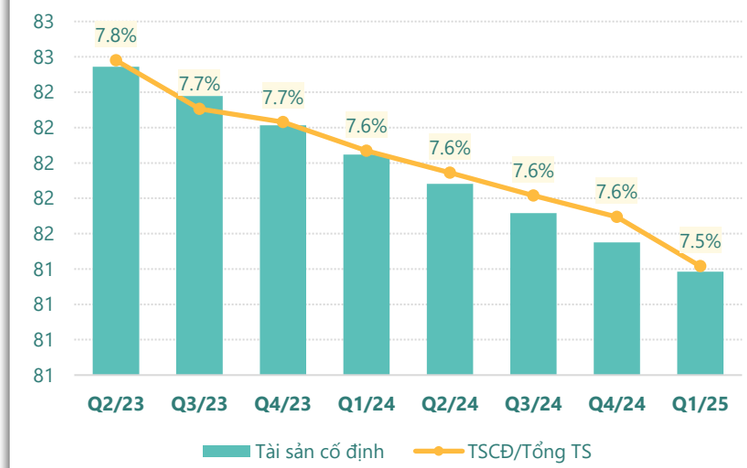
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



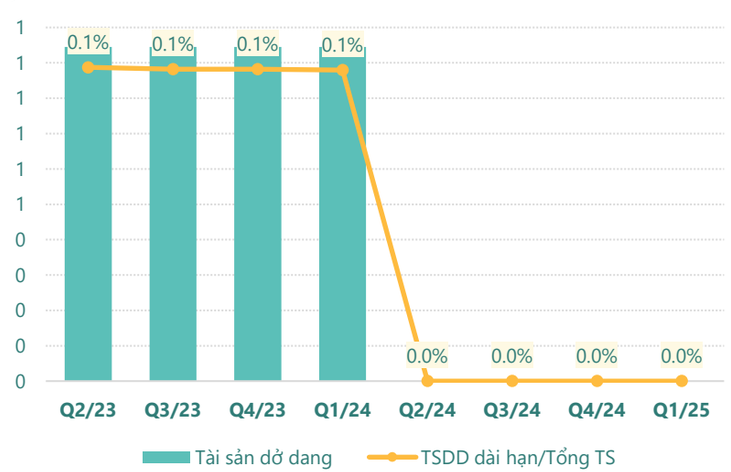
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



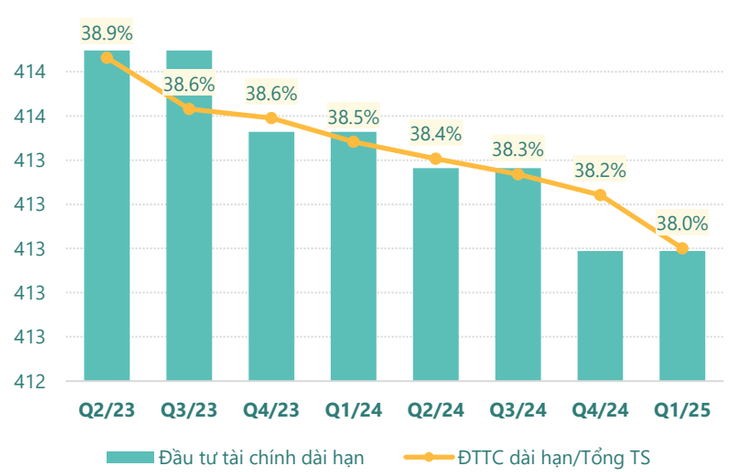
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



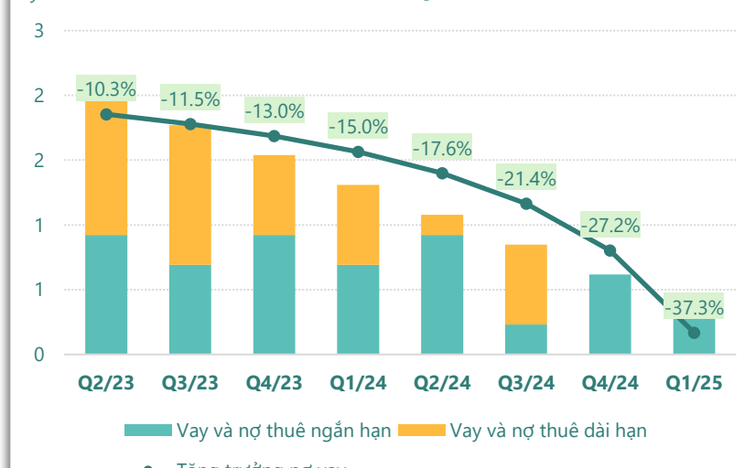
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

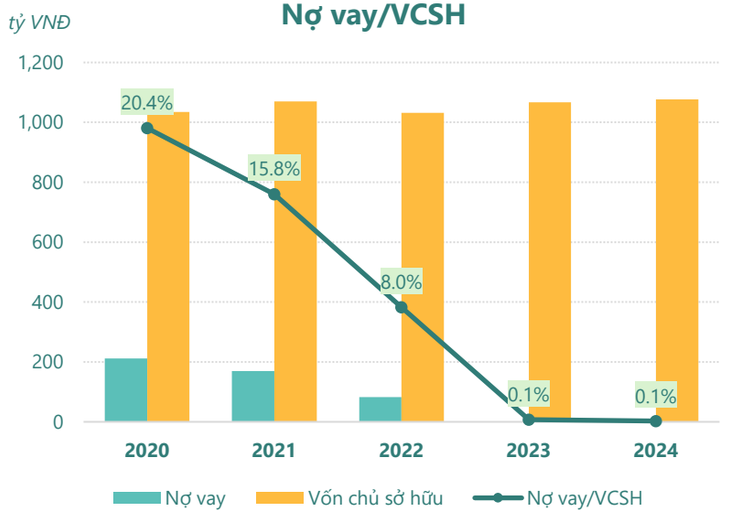
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

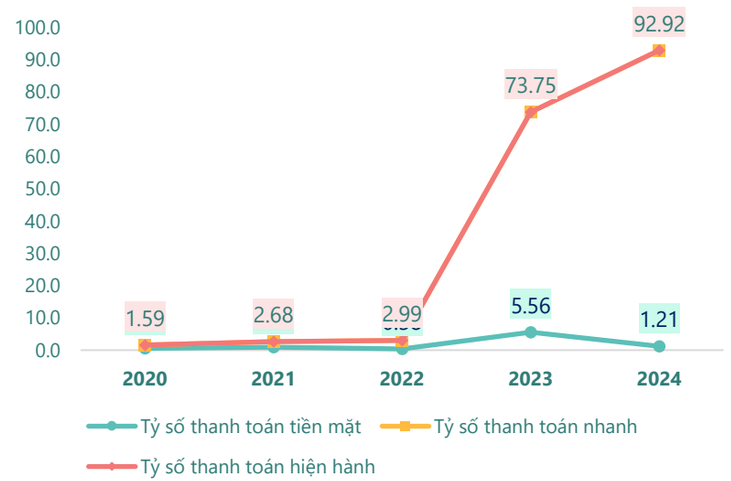
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



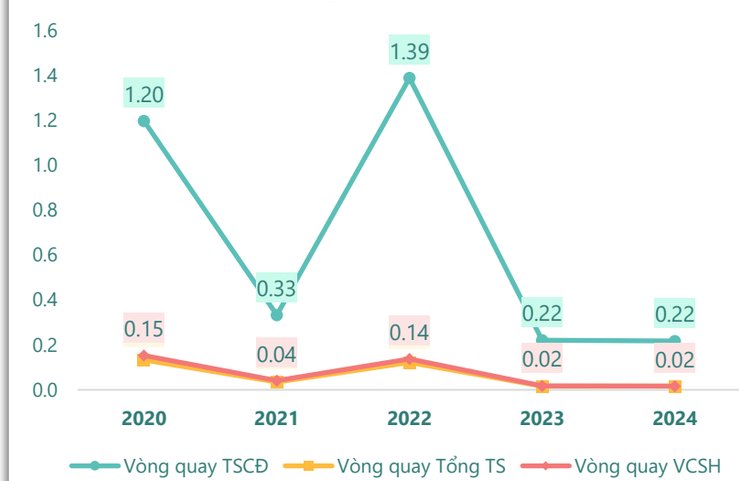
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



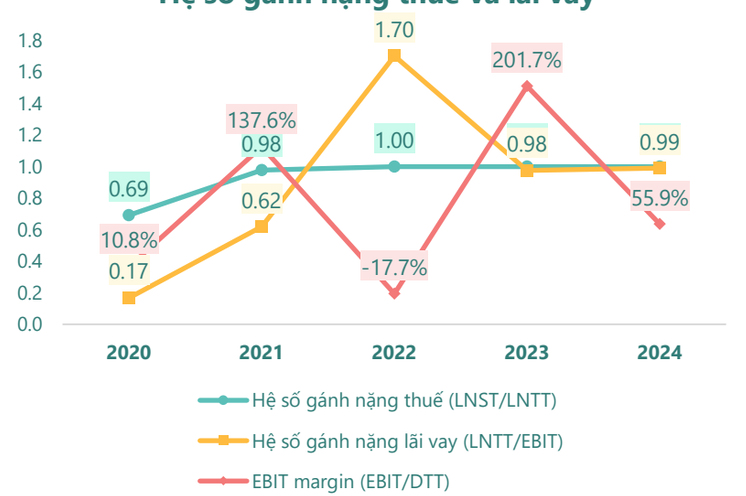
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



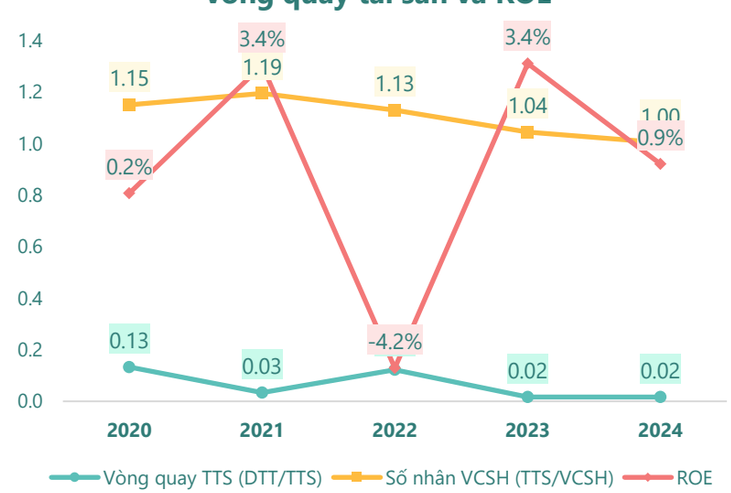
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



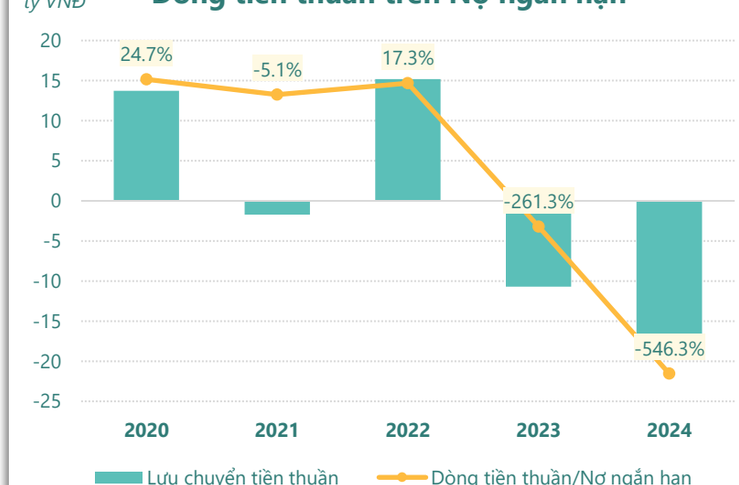
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.39**	**4.57**	**-4.0%**	**17.8**	**18.3**	**-2.5%**
Giá vốn hàng bán	1.42	1.40	1.8%	5.74	5.49	4.4%
Lợi nhuận gộp	2.96	3.17	-6.5%	12.1	12.8	-5.5%
Doanh thu HĐTC	1.38	1.00	38.1%	3.29	23.8	-86.2%
Chi phí TC	-3.70	0.03	-12432%	0.63	1.28	-50.5%
Chi phí lãi vay	0.01	0.03	-66.5%	0.10	0.91	-89.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.85**	**0.97**	**-12.6%**	**3.59**	**7.62**	**-52.9%**
LN thuần từ HĐKD	7.20	3.16	128%	11.1	27.6	-59.7%
Lợi nhuận khác	**-0.02**	**0.00**		**-1.29**	**8.30**	**-115%**
LN trước thuế	7.18	3.16	127%	9.86	35.9	-72.6%
Lợi nhuận sau thuế	**7.18**	**3.16**	**127%**	**9.86**	**35.9**	**-72.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.18**	**3.16**	**127%**	**9.86**	**35.9**	**-72.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-131	0.55	1.27	9.80	0.67	5.74
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	101	0	0	-10.0	-20.0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.23	-0.23	-0.23	-0.23	-0.23	-0.23
Tiền đầu kỳ	53.2	22.8	23.1	24.1	23.7	4.13
Lưu chuyển tiền thuần	**-30.4**	**0.32**	**1.04**	**-0.43**	**-19.6**	**5.51**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.8	23.1	24.1	23.7	4.13	9.64

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,087**	**1,080**	**0.6%**
Tài sản ngắn hạn	325	317	2.5%
Tiền và tương đương tiền	9.64	4.13	134%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	315	313	0.8%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.15	0.15	0.0%
Tài sản dài hạn	**762**	**763**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	81.4	81.6	-0.2%
Bất động sản đầu tư	267	268	-0.4%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	413	413	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.08	3.41	-9.6%
Nợ ngắn hạn	**3.08**	**3.41**	**-9.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.39	0.62	-37.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.77	0.75	1.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,084**	**1,077**	**0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,084**	**1,077**	**0.7%**
Vốn điều lệ	1,014	1,014	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)